

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY HK1, NĂM HỌC 2024-2025 (Thực hiện từ 02/12/2024)

| Khối 10 | GVCN    | Toán(3) | Vật lí(2) | Hóa(2) | Sinh(2)  | Văn(3)   | Sử (1) | Địa (2) | Anh (3) | KTPL(2) | Tin(2)  | CN-NN(2) | GDQP(1) | GDTC(2) | TNHN(3) |
|---------|---------|---------|-----------|--------|----------|----------|--------|---------|---------|---------|---------|----------|---------|---------|---------|
| 10A     | Hải     | Phương  | Chuyên    | Giang  | Thảo     | Hương    | Giang  |         | Trân    |         |         | Phụng    | Diễn    | Nga     | Hải     |
| 10B     | Thảo S  | Thắm    |           | Ngọc   | Thảo     | Vân      | Xuân   | Hiên    | Vân     |         |         | Thảo     | Diễn    | Nga     | Vân a   |
| 10C     | Vân V   | Tiến    |           |        |          | Vân      | Xuân   | Hiên    | Thúy    | Hải     | Tiên    | Phụng    | Diễn    | Nga     | Dũng    |
| 10A1    | Thúy A  | Nguyễn  | Vân       |        |          | Thúy     | Giang  | Mai     | Thúy    |         | Huyền   | Phụng    | Diễn    | Nga     | Vân L   |
| 10A2    | Thịnh   | Hằng    | Trung     |        |          | Hương    | Xuân   | Dân     | Lộc     |         | Huyền   | Thịnh    | Diễn    | Nga     | Vân L   |
| 10D1    | Thái    | Hương   | Kỳ        |        |          | Hà       | Kiên   | Dân     | Lâm     | Hải     |         | Thái     | Diễn    | Nga     | Vân L   |
| 10D2    | Kiên    | Tiến    | Kỳ        |        |          | Trang    | Kiên   | Dân     | Thúy    | Hải     |         | Thái     | Diễn    | Duyên   | Bình    |
| 10D3    | Thúy V  | Oanh    | Kỳ        |        |          | Thúy     | Giang  | Dân     | Trân    | Hải     |         | Phước    | Diễn    | Duyên   | Bình    |
| 10D4    | Lộc     | Nguyễn  |           |        |          | Trang    | Kiên   | Dân     | Lộc     | Hạnh    | Huyền   | Phước    | Diễn    | Duyên   | L. Ngọc |
| 10D5    | Phương  | Phương  |           |        |          | Thúy     | Kiên   | Mai     | Vân     | Hạnh    | Huyền   | Phước    | Diễn    | Duyên   | L. Ngọc |
| 10D6    | Giang S | Oanh    |           |        |          | Hương    | Giang  | Mai     | Trân    | Hạnh    | Huyền   | Thịnh    | Diễn    | Duyên   | L. Ngọc |
| 10D7    | Xuân S  | Hương   |           |        |          | Trang    | Xuân   | Mai     | Vân     | Hạnh    | Huyền   | Phụng    | Diễn    | Duyên   | L. Ngọc |
| Khối 11 | GVCN    | Toán(3) | Vật lí(2) | Hóa(2) | Sinh(2)  | Văn (3)  | Sử (1) | Địa (2) | Anh(3)  | KTPL(2) | Tin (2) | CN-CN(2) | GDQP(1) | GDTC(2) | TNHN(3) |
| 11A     | Vũ      | Nguyễn  | Vân       | Vũ     |          | Hương    | Huy    |         | Hà      |         | Thanh   | Kỳ       | Tâm     | Tài     | Vũ      |
| 11B     | Ngọc H  | Nguyễn  |           | Ngọc   | Thảo     | Hương    | Quỳnh  | Chi     | Trân    |         |         | Kỳ       | Tâm     | Tài     | Ngọc H  |
| 11C     | Cam     | Oanh    |           |        |          | Trang    | Cam    | Chi     | Nguyệt  | Hòa     | Thanh   | Lâm      | Son     | Tài     | Dụ      |
| 11A1    | Chuyên  | Oanh    | Chuyên    | Thảo   |          | Liên     | Quỳnh  | Mai     | Thúy    |         |         | Hùng     | Son     | Tài     | Chuyên  |
| 11A2    | Dụ      | Tiến    | Trung     | Dụ     |          | Liên     | Quỳnh  | Mai     | Lộc     |         |         | Trung    | Son     | Tài     | Dụ      |
| 11D1    | Liên    | Hương   |           |        |          | Liên     | Cam    | Chi     | Lộc     | Hạnh    | Thanh   | Lâm      | Son     | Tài     | Dụ      |
| 11D2    | Thắm    | Thắm    |           |        |          | Thúy     | Quỳnh  | Chi     | Trình   | Hạnh    | Thanh   | Lâm      | Son     | Đạo     | Lâm L   |
| 11D3    | Hùng    | Tiến    |           |        |          | Vân      | Quỳnh  | Dân     | Lâm     | Hạnh    | Thanh   | Hùng     | Diễn    | Đạo     | Lâm L   |
| 11D4    | Trình   | Thắm    |           |        |          | Vân      | Quỳnh  | Dân     | Trình   | Hạnh    | Thanh   | Hùng     | Diễn    | Đạo     | Vũ      |
| 11D5    | LâmA    | Phương  |           |        |          | N.Huyền  | Cam    | Dân     | Lâm     | Hạnh    | Phương  | Lâm      | Diễn    | Đạo     | Huy h   |
| 11D6    | Hà A    | Nghiệp  |           |        |          | Phượng   | Huy    | Dân     | Hà      | Hòa     | Thanh   | Trung    | Diễn    | Đạo     | Huy h   |
| 11D7    | My      | Hương   |           |        |          | My       | Huy    | Mai     | Nguyệt  | Hòa     | Phương  | Trung    | Diễn    | Đạo     | Huy h   |
| Khối 12 | GVCN    | Toán(3) | Vật lí(2) | Hóa(2) | Sinh (2) | Văn (3)  | Sử (2) | Địa (2) | Anh(3)  | KTPL(2) | Tin (2) | CN-NN(2) | GDQP(1) | GDTC(2) | TNHN(3) |
| 12A1    | Giang   | Xuân    |           | Giang  | Thương   | Hà       | Cam    |         | Tuấn    |         | Thanh   | Thịnh    | Tâm     | Nga     | Giang H |
| 12A2    | Hiếu    | Ly      | Hiếu      | Vũ     |          | My       | Cam    | Chi     | Trình   |         |         | Thịnh    | Tâm     | Nga     | Hiếu    |
| 12A3    | Khoa    | Xuân    | Khoa      |        |          | Phượng   | Kiên   | Huyền   | Hà      |         | Thanh   | Thịnh    | Tâm     | Nga     | Khoa    |
| 12A4    | Hiên    | Xuân    | Hiếu      |        |          | My       | Kiên   | Hiên    | Huệ     |         | Phương  | Phụng    | Tâm     | Duyên   | Thảo H  |
| 12A5    | Huệ A   | Hằng    | Khoa      |        |          | Huyền    | Huy    | Huyền   | Huệ     |         | Phương  | Thái     | Tâm     | Duyên   | Thảo H  |
| 12C     | Huy     | Nghiệp  |           |        |          | Huyền    | Huy    | Huyền   | Tuấn    | Hòa     | Phương  | Phụng    | Tâm     | Duyên   | Thảo H  |
| 12D1    | Huyền   | Hằng    |           |        |          | Huyền    | Quỳnh  | Huyền   | Tuấn    | Hòa     | Huyền   | Phước    | Tâm     | Tài     | Huy h   |
| 12D2    | Huyền Đ | Nghiệp  |           |        |          | N. Huyền | Quỳnh  | Huyền   | Trình   | Hòa     | Nghiệp  | Phước    | Tâm     | Tài     | Huy h   |
| 12D3    | Ly      | Ly      |           |        |          | My       | Xuân   | Chi     | Tuấn    | Hòa     | Thanh   | Phước    | Tâm     | Tài     | Thảo H  |
| 12D4    | N.Huyền | Hằng    |           |        |          | N. Huyền | Xuân   | Chi     | Tuấn    | Hòa     | Huyền   | Phước    | Tâm     | Đạo     | Hằng L  |
| 12D5    | Hà V    | Nghiệp  |           |        |          | Hà       | Giang  | Hiên    | Huệ     | Hòa     | Huyền   | Thái     | Tâm     | Đạo     | Hằng L  |
| 12D6    | Phượng  | Ly      |           |        |          | Phượng   | Giang  | Hiên    | Hà      | Hải     | Huyền   | Thái     | Tâm     | Đạo     | Hằng L  |

**Lưu ý:** Số tiết trên chưa bao gồm tiết chuyên đề học tập. Phân công dạy DTHT môn Toán: 10D3 (Xuân), 10D6 (Phương), 11C (Thắm), 11A1 (Ly)